

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THÁI THỤY  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HSST

Ngày 18- 03- 2022.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

**-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Tòng.

*Hội thẩm nhân dân:*

Ông Phạm Văn Trường;

Bà Vũ Thị Thúy.

**-Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Công Khuông- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

**-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Xuân Long- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 04/2022/TLST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 02 năm 2022 đối với các bị cáo:

1). Phạm Văn D1, sinh năm 1977; Nơi sinh: Huyện T1, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn A2, xã T2, huyện T1, tỉnh Thái Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Họ tên bố: Phạm M1; họ tên mẹ: Lê Thị R1; Họ tên vợ: Lê Thị U1; có 02 con (Con lớn sinh năm 1999; con nhỏ sinh năm 2006); Tiền án, tiền sự: Không. Danh chỉ bản số 333 do Công an huyện Thái Thụy lập ngày 03- 12- 2021. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24- 11- 2021 đến ngày 03- 12- 2021, được thay thế bằng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; hiện tại ngoại; có mặt.

2). Ngô Quang T3, sinh năm 1985; Nơi sinh: Huyện T1, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn A1, xã T2, huyện T1, tỉnh Thái Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Họ tên bố: Ngô Văn Đ1; họ tên mẹ: Nguyễn Thị T4; Họ tên vợ: Lâm Phúc T5; có 02 con (Con lớn sinh năm 2017; con nhỏ sinh năm 2018); Tiền án, tiền sự: Không. Danh chỉ bản số 332 do Công an huyện Thái Thụy lập ngày 03- 12- 2021. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24- 11- 2021 đến ngày 03- 12- 2021, được thay thế bằng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; hiện tại ngoại; có mặt.

3). Phạm Ngọc D2, sinh năm 1978; Nơi sinh: Huyện T1, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn A2, xã T2, huyện T1, tỉnh Thái Bình. Nghề nghiệp: Lao động

tự do; trình độ học vấn: Lớp 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Họ tên bố: Phạm Văn H1; họ tên mẹ: Lê Thị G1; Họ tên vợ: Phạm Thị H2; có 02 con (Con lớn sinh năm 2001; con nhỏ sinh năm 2017); Nhân thân: Từ tháng 02- 1998 đến tháng 02- 2000 tham gia Quân đội nhân dân Việt Nam; Tiền án, tiền sự: Không. Danh chỉ bản số 336 do Công an huyện Thái Thụy lập ngày 03- 12- 2021. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24- 11- 2021 đến ngày 03- 12- 2021, được thay thế bằng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; hiện tại ngoại; có mặt.

4). Phạm Công T5, sinh năm 1985; Nơi sinh: Huyện T1, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn A1, xã T2, huyện T1, tỉnh Thái Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Họ tên bố: Phạm Văn T6; họ tên mẹ: Nguyễn Thị S1; Họ tên vợ: Phan Thị B1; có 03 con (Con lớn sinh năm 2012; con nhỏ sinh năm 2019); Tiền án, tiền sự: Không; Danh chỉ bản số 331 do Công an huyện Thái Thụy lập ngày 03- 12- 2021. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24- 11- 2021 đến ngày 03- 12- 2021, được thay thế bằng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; hiện tại ngoại; có mặt.

5). Phạm Văn A1, sinh năm 1978; Nơi sinh: Huyện T1, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn A1, xã T2, huyện T1, tỉnh Thái Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Họ tên bố: Phạm Ngọc D3; họ tên mẹ: Đặng Thị B2; Họ tên vợ: Nguyễn Thị H3; có 02 con (Con lớn sinh năm 2002; con nhỏ sinh năm 2013); Nhân thân: Từ tháng 02- 2000 đến tháng 02- 2002 tham gia Quân đội nhân dân Việt Nam; Tiền án, tiền sự: Không. Danh chỉ bản số 337 do Công an huyện Thái Thụy lập ngày 03- 12- 2021. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24- 11- 2021 đến ngày 03- 12- 2021, được thay thế bằng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; hiện tại ngoại; có mặt.

6). Lê Mạnh T7, sinh năm 1988; Nơi sinh: Huyện T1, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn A2, xã T2, huyện T1, tỉnh Thái Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Họ tên bố: Lê Văn X1; họ tên mẹ: Đoàn Thị C1; Họ tên vợ: Trần Thị C2; có 01 con sinh năm 2015; Nhân thân: Từ tháng 03- 2010 đến tháng 05- 2012 tham gia Quân đội nhân dân Việt Nam; Tiền án, tiền sự: Không; Danh chỉ bản số 335 do Công an huyện Thái Thụy lập ngày 03- 12- 2021. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24- 11- 2021 đến ngày 03- 12- 2021, được thay thế bằng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; hiện tại ngoại; có mặt.

7). Đinh Văn Q1, sinh năm 1972; Nơi sinh: Huyện T1, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn A2, xã T2, huyện T1, tỉnh Thái Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 04/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Họ tên bố: Đinh Văn L1 (đã chết); họ tên mẹ: Đặng Thị M1; Họ tên vợ: Nguyễn Thị M2; có 02 con (Con lớn sinh năm 1991; con nhỏ sinh năm 1995); Nhân thân: Ngày 29 tháng 04 năm 2016, bị xử phạt hành chính 8.000.000đồng về hành vi đánh bạc, cùng ngày đã nộp xong; Tiền

án, tiền sự: Không. Danh chỉ bản số 330 do Công an huyện Thái Thụy lập ngày 03- 12- 2021. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24- 11- 2021 đến ngày 03- 12- 2021, được thay thế bằng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; hiện tại ngoại; có mặt.

8). Phan Văn Đ1, sinh năm 1984; Nơi sinh: Huyện T1, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn A1, xã T2, huyện T1, tỉnh Thái Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Họ tên bố: Phan Hồng B1, là thương binh loại A, hạng 3/4; họ tên mẹ: Trịnh Thị C3; Họ tên vợ: Trần Thị V1; có 02 con (Con lớn sinh năm 2012; con nhỏ sinh năm 2015); Tiền án, tiền sự: Không; Danh chỉ bản số 329 do Công an huyện Thái Thụy lập ngày 03- 12- 2021. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24- 11- 2021 đến ngày 03- 12- 2021, được thay thế bằng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; hiện tại ngoại; có mặt.

9). Nguyễn Văn T8, sinh năm 1968; Nơi sinh: Huyện T1, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn A3, xã T2, huyện T1, tỉnh Thái Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 05/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Họ tên bố: Nguyễn Văn T9 (Đã chết); họ tên mẹ: Trịnh Thị R1 (đã chết); Họ tên vợ: Nguyễn Thị N1; có 02 con (Con lớn sinh năm 1990; con nhỏ sinh năm 1998); Tiền án, tiền sự: Không; Danh chỉ bản số 334 do Công an huyện Thái Thụy lập ngày 03- 12- 2021. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24- 11- 2021 đến ngày 03- 12- 2021, được thay thế bằng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; hiện tại ngoại; có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 20 giờ 30 phút ngày 23- 11- 2021, các bị cáo D1, T3, D2 và T5 đến nhà bà Đặng Thị M2 ở thôn A2- khi này, nhà bà M2 không có người ở nhà. Các bị cáo ngồi chơi một lúc thì rủ nhau đánh bạc thắng thua bằng tiền, hình thức đánh bạc là xóc đĩa. Bị cáo D2 lấy dụng cụ xóc đĩa ( 01 bát, 01 đĩa bằng sứ, 04 quân vị hình tròn bằng nhau) có sẵn trong nhà bà M2 rồi đặt xuống chiếu trải ở phòng bếp. Trước khi đánh bạc, các bị cáo quy định: Một người cầm cái cho những người khác đặt cửa; số tiền đặt cửa từ 50.000đồng (thấp nhất) đến 300.000đồng (cao nhất). Những người đặt cửa chia làm hai nhóm: Những người đặt cửa nhóm chẵn là người ngồi phía trong tính theo hướng người cầm cái đến vị trí đặt bát, đĩa; những người này thắng khi kết quả xóc đĩa ván đó là chẵn; những người còn lại là nhóm lẻ, thắng khi kết quả xóc đĩa ván đó là lẻ. Phương thức đánh bạc: Người cầm cái cho 4 quân vị vào đĩa, dùng bát úp kín rồi xóc lên xuống nhiều lần, đặt xuống chiếu; người chơi đặt tiền. Khi người cầm cái mở bát mà có 02 quân vị cùng màu, hoặc 04 quân vị cùng màu thì là chẵn thắng; khi số quân vị cùng màu là 1 và 3 thì những người đặt cửa lẻ thắng. Người cầm cái căn cứ kết quả từng ván là chẵn hay lẻ mà xác định người thắng, người thua; người cầm cái thu tiền của người thua; trả tiền cho người thắng; số tiền thanh toán cho từng người bằng đúng số tiền đã đặt cược. Lúc đầu, có các bị cáo D1,

T3, T5 và D2 đánh bạc; bị cáo D1 là người cầm cái. Sau đó, các bị cáo T8, Q1, T7, A1, Đ1 đến; đã tham gia đánh bạc. Các bị cáo đánh bạc đến 21 giờ 30 phút thì bị cáo D1 không cầm cái nữa mà bị cáo T3 là người cầm cái; các bị cáo còn lại đặt cửa. Số tiền các bị cáo sử dụng để tham gia đánh bạc: Bị cáo D1: 2.800.000,đồng, T3: 2.600.000,đồng, D2: 1.500.000,đồng, T5: 1.000.000,đồng. Số tiền các bị cáo đến sau sử dụng đánh bạc gồm: Bị cáo A1: 2.000.000,đồng, T7: 1.500.000,đồng, Đ1: 770.000,đồng, Q1: 500.000,đồng, T8: 225.000,đồng. Hồi 22 giờ 30 phút cùng ngày, Công an huyện Thái Thụy phát hiện, bắt quả tang các bị cáo đang đánh bạc; lập biên bản phạm tội quả tang. Trong quá trình đánh bạc đến khi bị bắt, bị cáo D1 thua 2.500.000đồng; bị cáo Q1 thua 450.000đồng; các bị cáo không xác định được thắng thua gồm: T3, D2, Đ1, T7, A1. Khi bị bắt quả tang, các bị cáo này để toàn bộ tiền xuống chiếu; số tiền thu giữ trên chiếu bạc là 16.300.000đồng. Bị cáo T5 bị thu giữ trên người số tiền 3.200.000đồng gồm tiền mang theo để đánh bạc và tiền thắng bạc. Bị cáo T8 thua 200.000đồng; số tiền 25.000 đồng còn lại bị thu giữ trên người. Cơ quan Công an còn thu giữ dụng cụ đánh bạc gồm: 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân vị.

Các vật chứng của vụ án gồm: 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân vị; thu giữ trên chiếu bạc 16.300.000đồng; thu giữ từ bị cáo T3: 3.200.000đồng; thu giữ từ bị cáo Thì: 25.000đồng.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo D1, T3, D2, T5, A1, T7, Q1, Đ1, T8 đều trình bày: Hồi 20 giờ 30 phút ngày 23- 11- 2021, các bị cáo D1, T3, D2 và T5 đến nhà bà M2 để thắp hương cho chồng bà mới chết. Sau đó, các bị cáo đã đánh bạc tại gian bếp nhà bà trong khi gia đình bà không có ai ở nhà. Mức đặt tiền thấp nhất là 50.000đồng; cao nhất là 300.000đồng. Những người đánh bạc lúc đầu có D1, T3, T5 và D2; sau đó các bị cáo đến sau cũng tham gia đánh bạc gồm: T8, Q1, T7, A1, Đ1. Thời gian đầu, bị cáo D1 là người cầm cái (xóc cái); đến 21 giờ 30 phút thì bị cáo T3 là người cầm cái; các bị cáo khác đặt cửa. Số tiền các bị cáo sử dụng để tham gia đánh bạc: D1: 2.800.000,đồng, T3: 2.600.000,đồng, D2: 1.500.000,đồng, T5 1.000.000,đồng, A1: 2.000.000,đồng, T7: 1.500.000,đồng, Đ1: 770.000,đồng, Q1: 500.000,đồng, T8: 225.000,đồng. Hồi 22 giờ 30 phút cùng ngày, khi các bị cáo đang đánh bạc thì Công an huyện Thái Thụy phát hiện, bắt quả tang; lập biên bản phạm tội quả tang; thu giữ vật chứng là 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân vị; thu giữ trên chiếu bạc 16.300.000đồng; thu giữ từ bị cáo T5: 3.200.000đồng; thu giữ từ bị cáo T8: 25.000đồng.

Bản cáo trạng số 10/CT-VKSTT ngày 26- 01- 2022, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố các bị cáo D1, T3, D2, T5, A1, T7, Đ1, Q1, T8 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

**Luận tội của Kiểm sát viên:** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo; đề nghị: Tuyên bố các bị cáo D1, T3, D2, T5, A1, T7, Đ1, Q1, T8 phạm tội “Đánh bạc”.

Kiểm sát viên đề nghị áp dụng:

(1).Khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 65; Khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo D1.

Xử phạt bị cáo D1 từ 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo; thử thách 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng đến 03 (Ba) năm.

Phạt tiền từ 7.000.000đồng đến 10.000.000đồng.

(2).Khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 65; Khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T3.

Xử phạt bị cáo T3 từ 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo; thử thách 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng đến 03 (Ba) năm;

Phạt tiền từ 7.000.000đồng đến 10.000.000đồng.

(3). Khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 65; Khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T5.

Xử phạt bị cáo T5 từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù cho hưởng án treo; thử thách 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng;

Phạt tiền từ 5.000.000đồng đến 7.000.000đồng.

(4).Khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 65; Khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo D2.

Xử phạt bị cáo D2 từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù cho hưởng án treo; thử thách 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng;

Phạt tiền từ 5.000.000đồng đến 7.000.000đồng.

(5). Khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 65; Khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo A1.

Xử phạt bị cáo A1 từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù cho hưởng án treo; thử thách 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng;

Phạt tiền từ 5.000.000đồng đến 7.000.000đồng.

(6). Khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 65; Khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T7.

Xử phạt bị cáo T7 từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù cho hưởng án treo; thử thách 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng;

Phạt tiền từ 5.000.000đồng đến 7.000.000đồng.

(7).Khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 65; Khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đ1.

Xử phạt bị cáo Đ1 từ 09 (Chín) tháng đến 01 (Một) năm tù cho hưởng án treo; thử thách 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng đến 02 (Hai) năm;

Phạt tiền từ 3.000.000đồng đến 5.000.000đồng.

(8). Khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 65; Khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Q1.

Xử phạt bị cáo Q1 từ 09 (Chín) tháng đến 01 (Một) năm tù cho hưởng án treo; thử thách 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng đến 02 (Hai) năm;

Phạt tiền từ 3.000.000đồng đến 5.000.000đồng.

(9). Khoản 1 Điều 321; Điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T8.

-Xử phạt bị cáo T8 từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng cải tạo không giam giữ; miễn khấu trừ thu nhập; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo T8.

-Đề nghị áp dụng: Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 19.525.000đồng gồm: Tiền thu giữ trên chiếu bạc 16.300.000đồng; thu giữ từ bị cáo T5: 3.200.000đồng; thu giữ từ bị cáo T8: 25.000đồng; tịch thu tiêu hủy 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân vị.

**Bị cáo nói lời sau cùng:** Các bị cáo nhận tội, xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**[1].Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng:** Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an huyện Thái Thụy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

**[2].Về hành vi và tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:**

-Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đều trình bày: Tối ngày 23- 11- 2021, các bị cáo D1, T3, D2, T5, A1, T7, Đ1, Q1, T8 đánh bạc thắng thua bằng tiền tại nhà bà M2 khi gia đình bà không có người ở nhà. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau và được chứng minh bằng: Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an huyện Thái Thụy lập hồi 22 giờ 45 phút ngày 23- 11- 2021; Báo cáo về nhân thân do Công an xã T2 lập; Sơ đồ vị trí ngôi đánh bạc do các bị cáo vẽ; Kết luận giám định về số tiền đánh bạc và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ sau 20 giờ 30 phút đến 22 giờ 30 phút ngày 23- 11- 2021, các bị cáo D1, T3, D2, T5, A1, T7, Đ1, Q1, T8 đã thực hiện hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền. Các bị cáo là người trên 18 tuổi, có năng lực trách nhiệm hình sự, đã thực hiện hành vi xâm phạm trật tự công cộng với lỗi cố ý trực tiếp. Số tiền các bị cáo đánh bạc là 19.525.000đồng nên hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội: “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Vì vậy,

Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy quyết định truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo điều luật nêu trên là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

**“Điều 321. Tội đánh bạc**

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. ....

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”.

**[3]. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, vai trò của các bị cáo, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:** Đây là vụ đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ. Trong đó:

**[3.1].** Các bị cáo đều là người lao động nhưng không chịu tu dưỡng nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Việc tụ tập đông người tại khu vực dân cư để đánh bạc thể hiện sự coi thường pháp luật của các bị cáo. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên cần có hình phạt tương xứng với hành vi của các bị cáo để giáo dục và phòng ngừa chung. Bị cáo D1, bị cáo T3 là người cầm cái cho các bị cáo khác đánh bạc, tham gia với số tiền nhiều hơn, tham gia từ đầu đến khi bị bắt, là người thực hành tích cực nhất nên giữ vai trò chính trong vụ án. Bị cáo D2, bị cáo T5 tham gia từ đầu, bị cáo D2 chuẩn bị dụng cụ; trong số các bị cáo tham gia sau thì bị cáo A1, bị cáo T7 tham gia với số tiền nhiều hơn nên nhóm các bị cáo D2, T5, A1, T7 giữ vai trò thứ hai trong vụ án. Các bị cáo Đ1, Q1, T8 tham gia sau với số tiền ít hơn nên giữ vai trò thấp hơn trong vụ án; trong đó bị cáo T8 đánh bạc với số tiền ít nhất nên giữ vai trò thấp hơn bị cáo Đ1, Q1.

**[3.2].** Các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

**[3.3].** Các bị cáo đều “*phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*”; và “*thành khẩn khai báo*” nên đều được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo D2, A1, T7 có thời gian tham gia Quân đội; bị cáo Đ1 có bố là người có công với cách mạng nên các bị cáo D2, A1, T7, Đ1 được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

**[3.4].** Các bị cáo đều có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; đều có nơi cư trú rõ ràng. Các bị cáo D2, A1, T7, Đ1 còn có thêm 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Q1 tuy đã bị xử phạt vi phạm

hành chính nhưng thời gian bị xử phạt đã nhiều năm; lần này phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Các bị cáo khác đều có nhân thân tốt. Vì vậy, cần áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo đối với các bị cáo D1, T3, D2, T5, A1, T7, Đ1, Q1; áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự về hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo T8 như đề nghị của Kiểm sát viên. Thời gian bị cáo T8 bị tạm giữ được trừ vào thời gian cải tạo không giam giữ; bị cáo T8 là lao động tự do, thu nhập không ổn định nên cần miễn khấu trừ thu nhập. Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục; gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục.

**[3.5].Hình phạt bổ sung:** Do không áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo D1, T3, D2, T5, A1, T7, Đ1, Q1 theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 32; Khoản 3 Điều 321; Khoản 2 Điều 35 Bộ luật Hình sự. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T8.

**[4].Về vật chứng, xử lý vật chứng:** Vật chứng vụ án, số tiền thu giữ đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án huyện Thái Thụy theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27- 01- 2022 gồm có:

+01 đĩa sứ, 01 bát sứ, 04 quân vị là công cụ phạm tội; cần áp dụng Điểm a Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

+Số tiền thu giữ trên chiếu bạc 16.300.000đồng; cần áp dụng Điểm b Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điểm b Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

+Cơ quan điều tra thu giữ từ bị cáo T5 số tiền 3.200.000đồng; thu giữ từ bị cáo T8 số tiền 25.000đồng. Đây là số tiền các bị cáo sử dụng để tham gia đánh bạc nên cần áp dụng Điểm b Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điểm b Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

**[5].Về các vấn đề khác của vụ án:** Các bị cáo đánh bạc tại nhà bà M2 nhưng khi đó bà vắng mặt, bà cũng không biết việc các bị cáo tự vào nhà bà đánh bạc nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với bà.

**[6]. Về án phí:** Các bị cáo, mỗi bị cáo phải chịu 200.000,đồng án phí hình sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.Tuyên bố:** Các bị cáo Phạm Văn D1, Ngô Quang T3, Phạm Ngọc D2, Phạm Công T5, Phạm Văn A1, Lê Mạnh T7, Phan Văn Đ1, Đinh Văn Q1, Nguyễn Văn T8 phạm tội “Đánh bạc”.

### **2. Xử phạt:**

2.1). Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 (đối với bị cáo D2, A1, T7, Đ1); Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 65; Điểm e khoản 2 Điều 32; Khoản 2, khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo D1, T3, D2, T5, A1, T7, Đ1 và Q1.

-Xử phạt bị cáo Phạm Văn D1: 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù cho hưởng án treo; thử thách 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng; thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 18 tháng 03 năm 2022.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Phạm Văn D1 số tiền 7.000.000,đồng (Bảy triệu đồng) để nộp Ngân sách nhà nước;

-Xử phạt bị cáo Ngô Quang T3: 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù cho hưởng án treo; thử thách 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng; thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 18 tháng 03 năm 2022.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Ngô Quang T3 số tiền 7.000.000,đồng (Bảy triệu đồng) để nộp Ngân sách nhà nước;

-Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc D2: 01 (Một) năm tù cho hưởng án treo; thử thách 02 (Hai) năm; thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 18 tháng 03 năm 2022.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Phạm Ngọc D2 số tiền 5.000.000,đồng (Năm triệu đồng) để nộp Ngân sách nhà nước;

-Xử phạt bị cáo Phạm Công T5: 01 (Một) năm tù cho hưởng án treo; thử thách 02 (Hai) năm; thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 18 tháng 03 năm 2022.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Phạm Công T5 số tiền 5.000.000,đồng (Năm triệu đồng) để nộp Ngân sách nhà nước;

-Xử phạt bị cáo Phạm Văn A1: 01 (Một) năm tù cho hưởng án treo; thử thách 02 (Hai) năm; thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 18 tháng 03 năm 2022.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Phạm Văn A1 số tiền 5.000.000,đồng (Năm triệu đồng) để nộp Ngân sách nhà nước;

-Xử phạt bị cáo Lê Mạnh T7: 01 (Một) năm tù cho hưởng án treo; thử thách 02 (Hai) năm; thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 18 tháng 03 năm 2022.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Lê Mạnh T7 số tiền 5.000.000,đồng (Năm triệu đồng) để nộp Ngân sách nhà nước;

-Xử phạt bị cáo Phan Văn Đ1: 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo; thử thách 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng; thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 18 tháng 03 năm 2022.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Phan Văn Đ1 số tiền 3.000.000,đồng (Ba triệu đồng) để nộp Ngân sách nhà nước;

-Xử phạt bị cáo Đinh Văn Q1: 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo; thử thách 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng; thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 18 tháng 03 năm 2022.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Đinh Văn Q1 số tiền 3.000.000,đồng (Ba triệu đồng) để nộp Ngân sách nhà nước;

-Giao các bị cáo Phạm Văn D1, Ngô Quang T3, Phạm Ngọc D2, Phạm Công T5, Phạm Văn A1, Lê Mạnh T7, Phan Văn Đ1, Đinh Văn Q1 cho Ủy ban

nhân dân xã T2, huyện T1, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách án treo.

-Trường hợp người được hưởng án treo (các bị cáo D1, T3, D2, T5, A1, T7, Đ1, Q1) thay đổi nơi cư trú trong phạm vi cùng huyện nơi cư trú thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được hưởng án treo đến cư trú để giám sát, giáo dục.

-Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú ngoài phạm vi huyện thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trách nhiệm làm thủ tục chuyển hồ sơ thi hành án treo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được hưởng án treo đến cư trú để tổ chức việc thi hành án theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự và thông báo bằng văn bản cho Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

-Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.2). Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; Điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Thì.

-Xử phạt bị cáo T8: 01 (Một) năm cải tạo không giam giữ; được trừ 09 (Chín) ngày tạm giữ (từ ngày 24- 11- 2021 đến ngày 03- 12- 2021) bằng 27 (Hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo T8 cho Ủy ban nhân dân xã T2, huyện T1, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục.

**3. Về xử lý vật chứng:** Áp dụng: Điểm a, điểm b Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Khoản 1, Điểm a, điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các vật chứng hiện đang quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27 tháng 01 năm 2022 được xử lý như sau:

+Tịch thu tiêu hủy: 01 đĩa sứ, 01 bát sứ, 04 quân vị;

+Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước số tiền thu giữ trên chiếu bạc 16.300.000đồng;

+Tịch thu từ bị cáo T5 số tiền 3.200.000đồng nộp vào ngân sách nhà nước;

+Tịch thu từ bị cáo T8 số tiền 25.000đồng nộp vào ngân sách nhà nước.

**4. Về án phí:** Áp dụng: Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Phạm Văn D1, Ngô Quang T3, Phạm Ngọc D2, Phạm Công T5, Phạm Văn A1, Lê Mạnh T7, Phan Văn Đ1, Đinh Văn Q1, Nguyễn Văn T8 mỗi bị cáo phải chịu 200.000,đồng án phí hình sự sơ thẩm.

**5. Về quyền kháng cáo:** Các bị cáo đều có mặt, có quyền kháng cáo bản

án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 18 tháng 03 năm 2022.

**Nơi nhận:**

- Các bị cáo;
- VKSND huyện Thái Thụy;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan điều tra-Công an huyện Thái Thụy;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Tòng**